

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Dạng thức 1: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. *Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án*

Câu 1: Cách sử dụng kính lúp nào sau đây là đúng?

- A.** Đặt kính ở khoảng sao cho nhìn thấy vật rõ nét, mắt nhìn vào mặt kính.
- B.** Đặt kính cách xa mắt, mắt nhìn vào mặt kính.
- C.** Đặt kính ở khoảng 20 cm, mắt nhìn vào mặt kính.
- D.** Đặt kính trong khoảng mắt không phải điều tiết, mắt nhìn vào mặt kính.

Câu 2: Người ta sử dụng kính hiển vi để quan sát:

- A.** Hồng cầu **B.** Mặt Trăng **C.** Máy bay **D.** Con kiến

Câu 3: Hãy sắp xếp các bước sau đây sao cho có thể sử dụng kính hiển vi quang học để quan sát vật rõ nét.

- (1) Chọn vật thích hợp (10x, 40x hoặc 100x) theo mục đích quan sát.
- (2) Đặt tiêu bản lên bàn kính, dùng kẹp để giữ tiêu bản. Vận ốc to theo chiều kim đồng hồ để hạ vật kính gần quan sát vào tiêu bản (cẩn thận không để mặt của vật kính chạm vào tiêu bản).
- (3) Vận ốc nhỏ thật chậm, đến khi nhìn thấy mẫu vật thật rõ nét.
- (4) Điều chỉnh ánh sáng cho thích hợp với vật kính.
- (5) Mắt nhìn vào thị kính, vận ốc to theo chiều ngược lại để đưa vật kính lên từ từ đến khi nhìn thấy mẫu vật cần quan sát.

- A.** (1), (2), (3), (4), (5) **B.** (1), (4), (3), (5), (2)
- C.** (1), (4), (2), (5), (3) **D.** (4), (1), (2), (3), (5)

Câu 4: Đơn vị cấu tạo nên cơ thể sống gọi là gì?

- A.** Mô **B.** Tế bào **C.** Biểu bì **D.** Bào quan

Câu 5: Nhận định nào đúng khi nói về hình dạng và kích thước tế bào?

- A.** Các loại tế bào đều có chung hình dạng và kích thước.
- B.** Các loại tế bào thường có hình dạng khác nhau nhưng kích thước giống nhau.
- C.** Các loại tế bào khác nhau thường có hình dạng và kích thước khác nhau.
- D.** Các loại tế bào chỉ khác nhau về kích thước, chúng giống nhau về hình dạng.

Câu 6: Thành phần nào dưới đây không có ở tế bào nhân thực?

- A.** Màng nhân **B.** Vùng nhân **C.** Chất tế bào **D.** Hệ thống nội màng

Câu 7: Thành phần nào giúp lục lạp có khả năng quang hợp?

- A. Carotenoid B. Xanthophyll C. Phycobilin D. Diệp lục

Câu 8: Một tế bào sau khi trải qua 4 lần sinh sản liên tiếp sẽ tạo ra bao nhiêu tế bào con?

- A. 4 B. 8 C. 12 D. 16

Câu 9: Tế bào động vật không có thành phần nào dưới đây?

- A. Màng tế bào B. Thành tế bào C. Tế bào chất D. Nhân tế bào

Câu 10: Thành phần nào dưới có chức năng điều khiển các hoạt động sống của tế bào?

- A. Màng tế bào B. Tế bào chất C. Thành tế bào D. Nhân/vùng nhân

Câu 11: Vật nào dưới đây là vật sống?

- A. Con chó B. Con dao C. Cây chổi D. Cây bút

Câu 12: Cơ thể nào sau đây là cơ thể đơn bào?

- A. Con chó. B. Trùng biến hình. C. Con ốc sên. D. Con cua.

Câu 13: Hoạt động nào sau đây **không** thực hiện đúng quy tắc an toàn trong phòng thực hành?

- A. Đeo găng tay khi làm thí nghiệm.
B. Không ăn uống, đùa nghịch trong phòng thí nghiệm.
C. Để hóa chất không đúng nơi quy định sau khi làm xong thí nghiệm.
D. Làm thí nghiệm theo sự hướng dẫn của giáo viên.

Câu 14: Có các vật thể sau: quả chanh, máy tính, cây mít, cái chậu, lọ hoa, xe máy, cây tre. Số vật thể tự nhiên là

- A. 5 B. 4 C. 3 D. 2.

Câu 15: Quá trình nào sau đây thể hiện tính chất hóa học?

- A. Hòa tan muối vào nước
B. Đun nóng bát đựng muối đến khi có tiếng nổ lách tách
C. Đun nóng đường ở thể rắn để chuyển sang đường ở thể lỏng
D. Đun nóng đường đến khi xuất hiện chất màu đen

Câu 16: Quá trình nào sau đây thể hiện tính chất vật lí ?

- A. Cô cạn nước đường thành đường
B. Đun nóng đường đến khi xuất hiện chất màu đen
C. Để lâu ngoài không khí, lớp ngoài của đinh sắt biến thành gỉ sắt màu nâu, giòn và xốp.
D. Hơi nến cháy trong không khí chứa oxygen tạo thành carbon dioxide và hơi nước.

Câu 17: Khi làm thí nghiệm, không may làm vỡ ống hóa chất xuống sàn nhà ta cần phải làm gì đầu tiên?

- A. Lấy tay hót hóa chất bị đổ vào ống hóa chất khác.
B. Dùng tay nhặt ống hóa chất đã vỡ vào thùng rác.

C. Trãi giấy thấm lên dung dịch đã bị đổ ra ngoài.

D. Gọi cấp cứu y tế.

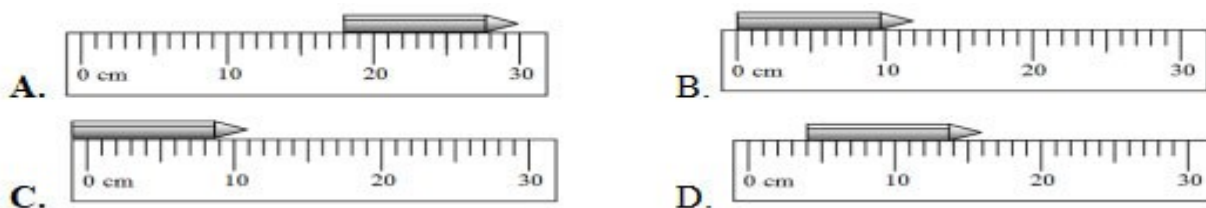
Câu 18: Khi làm muối từ nước biển, người dân làm muối (diêm dân) dẫn nước biển vào các ruộng muối. Nước biển bay hơi, người ta thu được muối. Theo em, thời tiết như thế nào thì thuận lợi cho nghề làm muối?

A. Trời lạnh B. Trời nhiều gió C. Trời hanh khô D. Trời nắng nóng

Câu 19. Đơn vị đo khối lượng trong hệ đo lường hợp pháp của nước ta là đơn vị nào sau đây?

A. Kilôgam B. Gam C. Tấn D. Lạng

Câu 20. Đo chiều dài của chiếc bút chì theo cách nào sau đây là hợp lí nhất?



Dạng thức 2: Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 3. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Khi nhận xét về đặc điểm cấu tạo và chức năng và hoạt động của một số tế bào, một số học sinh đã đưa ra các nhận xét sau:

- a) Tất cả các tế bào đều có kích thước rất nhỏ chỉ quan sát được dưới kính hiển vi
- b) Tế bào động vật không có bào quan lục lạp
- c) Mọi cơ thể sinh vật đa bào muốn lớn lên được đều nhờ sự phân chia của tế bào.
- d) Tế bào vi khuẩn không có nhân chính thức

Câu 2: Trong các phát biểu sau, phát biểu nào đúng, phát biểu nào sai?

- a) Thước cuộn thích hợp để đo chiều dài của một tấm vải.
- b) Đơn vị đo chiều dài cơ bản trong hệ mét là mét (m).
- c) 1 km bằng 1000 m.
- d) Thước kẻ thường được dùng để đo các vật có kích thước lớn.

Phần 2: TỰ LUẬN

Câu 1: Để quan sát tế bào biểu bì vẩy hành ta dùng loại kính nào? Vẽ và chú thích các thành phần cấu tạo của tế bào biểu bì vẩy hành đã quan sát được

Câu 2: a) Hãy nêu một số ví dụ về chất ở thể rắn, lỏng và khí mà em biết

b) Trình bày được sự nóng chảy, hóa hơi, ngưng tụ, đông đặc trong vòng tuần hoàn của nước trên trái đất.

Câu 3: Tại một nhà máy sản xuất bánh kẹo, An có thể đóng gói 1 410 viên kẹo mỗi giờ. Bình có thể đóng 408 hộp trong 8 giờ làm việc mỗi ngày. Nếu mỗi hộp chứa 30 viên kẹo, thì ai là người đóng gói nhanh hơn?

ĐÁP ÁN CHẤM

Trắc nghiệm nhiều lựa chọn

1A	2A	3C	4B	5C	6B	7D	8D	9B	10D
11A	12B	13C	14C	15D	16A	17D	18D	19A	20B

Trắc nghiệm Đúng – Sai

Câu 1 : a) S b) Đ c) Đ d) Đ

Câu 2 : a) S b) Đ c) Đ d) S

II. PHẦN TỰ LUẬN.

Câu hỏi	Đáp án	Điểm
Câu 1	- Quan sát tế bào biểu bì vẩy hành ta phải sử dụng kính hiển vi - Vẽ được đúng hình dạng của tế bào biểu bì vẩy hành (hình đa giác) - Chú thích được 3 thành phần cấu tạo	0.5 0.25 0.25
Câu 2	a) Chất ở thể rắn: sắt, đồng, nhôm, bạc, đá,... Chất ở thể lỏng: nước, thủy ngân,... Chất ở thể khí: hơi nước, khí nitrogen, khí oxygen,...	0.25 0.25 0.25
	b) Sự nóng chảy, hóa hơi, ngưng tụ, đông đặc trong vòng tuần hoàn của nước trên trái đất: Nước ở trong băng tuyết tan vào mùa xuân tạo thành nước ở dạng lỏng. Nước ở dạng lỏng bay hơi tạo thành dạng khí ở trong mây. Khi gặp nhiệt độ thấp các phân tử nước trong mây ngưng tụ lại gây ra mưa, tạo nước ở dạng lỏng. Vào mùa đông, nhiệt độ thấp hơn 0 độ CC; nước ở dạng lỏng đông đặc lại tạo thành băng, tuyết. Xem thêm các bài giải bài tập Khoa học tự nhiên lớp 6 Kết nối tri thức hay, chi tiết khác:	0,25
3	Bình đóng được số hộp kẹo trong 1 giờ là: $408 : 8 = 51$ (hộp). Bình đóng được số viên kẹo trong 1 giờ là: $51 \cdot 30 = 1\,530$ (viên). Mà An đóng gói 1 410 viên kẹo mỗi giờ. Vậy Bình đóng nhanh hơn An	0,25 0.25 0.25 0.25

ĐỀ 2

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 6

A. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN NHIỀU LỰA CHỌN (5,0 điểm)**Câu 1. Khoa học tự nhiên là**

- A.** Một nhánh của khoa học, nghiên cứu các hiện tượng tự nhiên, tìm ra các tính chất, các quy luật của chúng.
- B.** Sản xuất những công cụ giúp nâng cao đời sống con người.
- C.** Sản xuất những công cụ phục vụ học tập và sản xuất.
- D.** Sản xuất những thiết bị ứng dụng trong các lĩnh vực đời sống.

Câu 2. Khi đo độ dài một vật, người ta chọn thước đo:

- A.** Có GHĐ lớn hơn chiều dài cần đo và có ĐCNN thích hợp.
- B.** Có GHĐ lớn hơn chiều dài cần đo và không cần để ý đến ĐCNN của thước.
- C.** Thước đo nào cũng được.
- D.** Có GHĐ nhỏ hơn chiều dài cần đo vì có thể đo nhiều lần.

Câu 3. Chọn câu đúng: 1 kilogam là:

- A.** Khối lượng của một lít nước.
- B.** Khối lượng của một lượng vàng.
- C.** Khối lượng của một vật bất kì.
- D.** Khối lượng của một quả cân mẫu đặt tại viện đo lường quốc tế ở Pháp.

Câu 4. Khi nhúng quả bóng bàn bị móp vào trong nước nóng, nó sẽ phồng trở lại vì:

- A.** Vì nước nóng làm cho khí trong quả bóng nở ra.
- B.** Vì nước nóng làm cho vỏ quả bóng co lại.
- C.** Vì nước nóng làm cho vỏ quả bóng nở ra.
- D.** Vì nước nóng làm cho khí trong quả bóng co lại.

Câu 5. Nhiệt độ là

- A.** Số đo độ nóng của một vật.
- B.** Số đo độ lạnh của một vật.
- C.** Số đo độ nóng, lạnh của nhiệt kế.
- D.** Đo độ nóng, lạnh của một vật.

Câu 6. Vật thể tự nhiên là

- A.** Ao, hồ, sông, suối.
- B.** Biển, mương, kênh, bể nước.
- C.** Đập nước, máng, đại dương, rạch.
- D.** Hồ, thác, giếng, bể bơi.

Câu 7. Vật thể nhân tạo là gì?

- A.** Cây lúa.
- B.** Cây cầu.
- C.** Mặt trời.
- D.** Con sóc.

Câu 8. Mặt trời mọc lên, dưới ánh nắng mặt trời làm cho các hạt sương tan dần. Hiện tượng này thể hiện quá trình chuyển thể nào?

- A.** Từ rắn sang lỏng.
- B.** Từ lỏng sang hơi.
- C.** Từ hơi sang lỏng.
- D.** Từ lỏng sang rắn.

Câu 9. Tìm hiểu về sự sống trên sao hỏa thuộc lĩnh vực nghiên cứu nào?

- A.** Vật lí học.
- B.** Khoa học Trái Đất và Thiên văn học.
- C.** Hóa học và Sinh học.
- D.** Lịch sử loài người.

Câu 10. Vật nào sau đây là vật không sống?

- A. Quả cà chua ở trên cây. B. Con mèo. C. Than củi. D. Vi khuẩn.

Câu 11. Điều không phải là tính chất của oxygen?

- A. Ở điều kiện thường, oxygen là chất khí không màu, không mùi, không vị.
 B. Oxygen tan nhiều trong nước.
 C. Oxygen khi hóa lỏng và rắn có màu xanh nhạt.
 D. Oxygen duy trì sự cháy.

Câu 12. Nguyên liệu được sử dụng để sản xuất vôi sống, phấn viết bảng, tạc tượng...là gì?

- A. Đá vôi. B. Cát. C. Đất sét. D. Đá.

Câu 13. Dây dẫn điện thường được làm từ loại vật liệu nào sau đây?

- A. Gỗ. B. Sắt. C. Đồng. D. Cao su.

Câu 14. Loại nguyên liệu nào không thể tái sinh?

- A. Gỗ. B. Bông. C. Dầu mỏ. D. Tre.

Câu 15. Hiện tượng tự nhiên nào sau đây là do hơi nước ngưng tụ?

- A. Tạo thành mây C. Mưa rơi
 B. Gió thổi D. Lốc xoáy

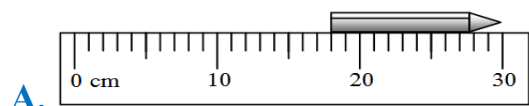
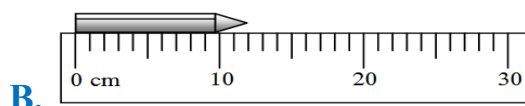
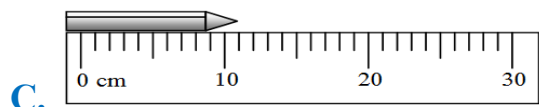
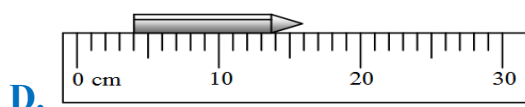
Câu 16. Quá trình nào dưới đây không làm giảm oxygen trong không khí?

- A. Sự gỉ của các vật dụng bằng sắt. C. Sự quang hợp của cây xanh.
 B. Sự cháy của than, củi, bếp ga. D. Sự hô hấp của động vật

Câu 17. Cho một que đóm còn tàn đỏ vào một lọ thủy tinh chứa khí oxygen. Hiện tượng gì xảy ra?

- A. Không có hiện tượng C. Tàn đỏ từ từ tắt
 B. Tàn đỏ tắt ngay D. Tàn đỏ bùng cháy thành ngọn lửa

Câu 18. Đo chiều dài của chiếc bút chì theo cách nào sau đây là hợp lí nhất?



Câu 19. Thao tác nào là sai khi dùng cân đồng hồ?

- A. Đặt vật cân bằng trên đĩa cân C. Đọc kết quả khi cân khi đã ổn định
 B. Đặt mắt vuông góc với mặt đồng hồ D. Đặt cân trên bề mặt không bằng phẳng

Câu 20. Để đo thời gian chạy ngắn 100m ta sử dụng đồng hồ nào để đo là hợp lí nhất ?

- A. Đồng hồ đeo tay C. Đồng hồ điện tử
 B. Đồng hồ quả lắc. D. Đồng hồ bấm giây

B. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN ĐÚNG SAI (2,0 điểm)

(Lựa chọn chính xác 01 ý được 0,1 điểm, 02 ý được 0,25 điểm, 03 ý được 0,5 điểm, 04 ý được 1 điểm.)

Câu 1. Các phát biểu sau là đúng hay sai?

- A.** Nước đá tan chảy là một ví dụ của sự nóng chảy.
B. Hơi nước trong không khí ngưng tụ thành sương là một ví dụ của sự bay hơi.
C. Sự thăng hoa là quá trình chuyển trực tiếp từ thể rắn sang thể hơi mà không qua thể lỏng.
D. Nước lỏng đông đặc thành nước đá là một ví dụ của sự đông đặc.

Câu 2. Các phát biểu sau là đúng hay sai?

- A.** Oxygen là một chất khí không màu, không mùi và không vị. (Đúng)
B. Oxygen tham gia vào quá trình quang hợp của cây xanh. (Sai)
C. Oxygen chiếm khoảng 78% thể tích không khí. (Đúng)
D. Oxygen có thể tồn tại ở trạng thái lỏng và rắn. (Đúng)

C. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1 (1,0 điểm). Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến độ chính xác của phép đo khối lượng và đề xuất các biện pháp để giảm thiểu sai số.?

Câu 2 (1,0 điểm). Em hãy nêu khái niệm và đặc điểm của sự sôi?

Câu 3 (1,0 điểm). Ô nhiễm không khí là một vấn đề nghiêm trọng hiện nay. Hãy nêu ra một số nguồn gây ô nhiễm không khí chính và đề xuất các biện pháp để giảm thiểu ô nhiễm không khí.?

HƯỚNG DẪN CHẤM

A. TNKQ (5,0 điểm): Mỗi câu chọn đáp án đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đ/A	A	A	D	A	D	A	B	B	B	C
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đ/A	B	A	C	C	A	C	D	B	D	D

B. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN ĐÚNG SAI (2,0 điểm)

(Lựa chọn chính xác 01 ý được 0,1 điểm, 02 ý được 0,25 điểm, 03 ý được 0,5 điểm, 04 ý được 1 điểm.)

Câu 1			Câu 2		
	Đ	S		Đ	S
A	x		A	x	
B		x	B		x
C	x		C		x
D	x		D	x	

C. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

ĐỀ 1

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1 (1,0 điểm)	- Các yếu tố ảnh hưởng đến độ chính xác của phép đo khối lượng: + Sai số dụng cụ: Độ chính xác của cân, độ phân giải của thang đo. + Sai số môi trường: Nhiệt độ, độ ẩm, áp suất không khí,	0,1
		0,1

	gió, rung động.	0,1
	+ Sai số người đo: Cách đặt vật lên cân, cách đọc kết quả, sự cẩn thận và tỉ mỉ.	0,1
	+ Sai số do vật thể đo: Nhiệt độ của vật thể, sự bám dính của các chất lạ lên vật thể.	
	- Các biện pháp giảm thiểu sai số:	
	+ Chọn dụng cụ đo phù hợp với khoảng đo và độ chính xác yêu cầu.	0,1
	+ Hiệu chỉnh dụng cụ đo thường xuyên.	0,1
	+ Thực hiện phép đo trong môi trường ổn định.	0,1
	+ Thực hiện nhiều lần đo và tính giá trị trung bình.	0,1
	+ Vệ sinh sạch sẽ vật thể cần đo.	0,1
	+ Đảm bảo người đo nắm vững quy trình đo.	
Câu 2 (1,0 điểm)	- Sự sôi là quá trình chuyển trạng thái của một chất từ trạng thái lỏng sang trạng thái khí xảy ra ở cả bên trong và trên bề mặt chất lỏng.	0,5
	- Đặc điểm của sự sôi:	
	+ Sự sôi chỉ xảy ra ở một nhiệt độ nhất định, các chất khác nhau sôi ở một nhiệt độ khác nhau.	0,25
Câu 3 (1 điểm)	+ Xảy ra trên mặt thoáng và trong lòng chất lỏng	0,25
	- Các nguồn gây ô nhiễm không khí chính:	
	+ Khí thải từ các phương tiện giao thông.	0,1
	+ Khí thải từ các nhà máy, khu công nghiệp.	0,1
	+ Đốt rác thải, đốt rừng.	0,1
	+ Bụi bẩn từ các công trình xây dựng.	0,2
	- Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí:	
	+ Sử dụng các phương tiện giao thông công cộng, xe điện, xe đạp.	0,1
	+ Áp dụng công nghệ xử lý khí thải cho các nhà máy, khu công nghiệp.	0,1
	+ Hạn chế đốt rác thải, thúc đẩy tái chế.	0,1
	+ Trồng nhiều cây xanh để tăng cường quá trình quang hợp, hấp thụ CO ₂ .	0,2

MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I ĐỀ 1

PHỤ LỤC 1
KHUNG MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 1
MÔN: KHTN 6

I. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

TT	Chủ đề/Chương	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng	
			Trắc nghiệm khách quan						Tự luận				
			Nhiều lựa chọn			Đúng/Sai							
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	
1	Sinh học	Mở đầu KHTN (4 tiết)	2	1								0.5	
		Tế bào (9 tiết)	4	3		2 ý	2 ý				1	1.5	
		Từ tế bào đến cơ thể (3 tiết)	1	1								0.25	
2	Vật lí	Các phép đo (8 tiết)	1	1		2 ý	2 ý				1	1	
3	Hóa học	Mở đầu KHTN (3 tiết)	1	1								0.25	
		Chất quanh ta (5 tiết)	3	1							1	0.75	
Tổng số câu			12	8		4 ý (1 đ)	4 ý (1 đ)				3	12 trắc nghiệm, 4 ý Đ-S	
Tổng số điểm			5 điểm			2 điểm			3 điểm			4đ	
Tỷ lệ %			50%			20%			30%			40%	

II. KHUNG BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

TT	Chủ đề/Chương	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt (được tách ra theo 3 mức độ)	Số câu hỏi/ý hỏi ở các mức độ đánh giá					
				Trắc nghiệm khách quan					
				Nhiều lựa chọn			Đúng/Sai		
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
1	Sinh học	Mở đầu KHTN (4 tiết)	–Nhận biết: Biết cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học. - Thông hiểu: Trình bày được các bộ phận cấu tạo của kính lúp và kính hiển vi	2	1				
		Tế bào (9 tiết)	Nhận biết: - Nêu được khái niệm tế bào, chức năng của tế bào. - Nêu được đặc điểm và kích thước của một số loại tế bào. - Nêu được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào. - Nhận biết được lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh Thông hiểu: - Trình bày được cấu tạo tế bào với 3 thành phần chính (màng tế bào, tế bào chất và nhân tế bào). - Trình bày được chức năng của mỗi thành phần chính của tế bào (màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào). - Nhận biết được tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống. - Phân biệt được tế bào	4	3		2 ý	2 ý	

			<p>động vật, tế bào thực vật; tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ thông qua quan sát hình ảnh.</p> <p>- Dựa vào sơ đồ, nhận biết được sự lớn lên và sinh sản của tế bào (từ 1 tế bào → 2 tế bào → 4 tế bào... → n tế bào).</p> <p>Vận dụng: Thực hành quan sát tế bào lớn bằng mắt thường và tế bào nhỏ dưới kính lúp và kính hiển vi quang học</p>						
		Từ tế bào đến cơ thể (3 tiết)	<p>- Nhận biết: được vật sống và vật không sống</p> <p>- Hiểu: Nhận biết được cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào thông qua hình ảnh.</p> <p>-Hiểu: Lấy được ví dụ minh họa (cơ thể đơn bào: vi khuẩn, tảo đơn bào, ...; cơ thể đa bào: thực vật, động vật,...).</p>	1	1				
2	Vật lí	Các phép đo (8 tiết)	<p>-NB: Nêu được cách đo chiều dài, khối lượng, thời gian.</p> <p>- Nêu được đơn vị đo chiều dài, khối lượng, thời gian.</p> <p>- Nêu được dụng cụ thường dùng để đo chiều dài, khối lượng, thời gian.</p> <p>– Phát biểu được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật.</p> <p>– Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo.</p>	1	1		2 ý	2ý	

			<ul style="list-style-type: none"> - Ước lượng được khối lượng, chiều dài, thời gian, nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản. -TH: Biết cách chọn dụng đo phù hợp từng vật - Biết đổi các đơn vị về khối lượng - Dùng thước (cân, đồng hồ) để chỉ ra một số thao tác sai khi đo và nêu được cách khắc <p>VD:Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai về chiều dài (khối lượng, thời gian, nhiệt độ) khi quan sát một số hiện tượng trong thực tế ngoài ví dụ trong sách giáo khoa.phục một số thao tác sai đó.</p>						
		Mở đầu KHTN (3 tiết)	<p>NB– Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành. – Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên, các dụng cụ: đo chiều dài, đo thể tích, kính lúp, kính hiển vi,...). <p>TH: – Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối</p>	1	1				

			<p>tượng nghiên cứu.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống. – Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống. <p>VD: – Biết cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành. – Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định 						
...	Hóa học	Chất quanh ta (5 tiết)	<p>NB:Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh)</p> <p>TH:– Nêu được chất có ở xung quanh chúng ta.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được chất có trong các vật thể tự nhiên. - Nêu được chất có trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh. – Nêu được tính chất vật lí, tính chất hoá học của chất. Phân biệt được đâu là chất đâu là vật thể, đâu là hiện tượng thuộc tính chất vật lí và hóa học 	1	1				
				1					
				1					

			VD: Xác định được các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo và chất Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển trạng thái từ thể rắn sang thể lỏng của chất và ngược lại. – Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển trạng thái từ thể lỏng sang thể khí						
Tổng số câu									
Tổng số điểm				5 điểm			2 điểm		
Tỷ lệ %				50%			20%		

MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I ĐỀ 2

KHUNG MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I MÔN : KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6

I. KHUNG MA TRẬN

- **Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra học kì 1 khi kết thúc nội dung: 13. Một số nguyên liệu
- **Thời gian làm bài:** 90 phút.
- **Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 50% trắc nghiệm nhiều lựa chọn, 20% trắc nghiệm đúng sai, 30% tự luận).
- **Cấu trúc:**
 - Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng
 - Phần trắc nghiệm nhiều lựa chọn: 5,0 điểm
 - Phần trắc nghiệm đúng, sai: 2,0 điểm
 - Phần tự luận: 3,0 điểm

Ghi chú

Năng lực nhận thức khoa học tự nhiên: **A1**

Năng lực tìm hiểu tự nhiên: **A2**

Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: **A3**

TT	Chủ đề/Chương	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá		
			Trắc nghiệm khách quan		Tự luận
			Nhiều lựa chọn	Đúng/Sai	

			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
1	Chủ đề 1 Mở đầu	Bài 1. Giới thiệu về Khoa học tự nhiên	1 0,25 đ	2 0,5 đ							1 1đ	
		Bài 2. An toàn trong phòng thực hành										
		Bài 3. Sử dụng kính lúp										
		Bài 4. Sử dụng kính hiển vi quang học										
2	Chủ đề 2 Các phép đo	Bài 5. Đo chiều dài	1 0,25 đ	1 0,25 đ								
		Bài 6. Đo khối lượng	1 0,25 đ	1 0,25 đ								
		Bài 7. Đo thời gian	1 0,25 đ									
		Bài 8. Đo nhiệt độ	2 0,5 đ									
3	Chủ đề 3 Chất và sự biến đổi chất	Bài 9. Sự đa dạng của chất		2 0,5 đ								
		Bài 10. Các thể của chất và sự chuyển thể		2 0,5 đ				1 1đ	1 1đ			
		Bài 11. Oxygen. Không khí	3 0,75 đ				1 1đ				1 1đ	
		Bài 12, 13. Một số vật liệu, nguyên liệu	3 0,75 đ									
Tổng số câu			12	8			1	1	1		2	
Tổng số điểm			5 điểm			2 điểm			3 điểm			
Tỷ lệ %			50%			20%			30%			

II. KHUNG BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

TT	Chủ đề/Chương	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt (được tách ra theo 3 mức độ)	Số câu hỏi/ý hỏi ở các mức độ đánh giá					
				Trắc nghiệm khách quan					
				Nhiều lựa chọn			Đúng/Sai		
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
1	Chủ đề 1 Mở đầu	Bài 1. Giới thiệu về Khoa học tự nhiên	Nhận biết – Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên. Thông hiểu – Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu. – Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống.	1 câu C1 (A1)	2 câu C9 (A1), C10 (A1)				
		Bài 2. An toàn trong phòng thực hành							
		Bài 3. Sử dụng kính lúp							
		Bài 4. Sử dụng kính hiển vi quang học							
2	Chủ đề 2 Các phép đo	Bài 5. Đo chiều dài	- Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo chiều dài của một vật. Vận dụng - Xác định được giới	1 câu C2 (A1)	1 câu C18 (A3)				

			hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của thước.						
		Bài 6. Đo khối lượng	<p>Nhận biết</p> <p>- Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo khối lượng của một vật.</p> <p>Vận dụng</p> <p>- Phân tích để chỉ ra một số thao tác sai khi đo khối lượng và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó.</p>	1 câu C19 (A3)	1 câu C3 (A1)				
		Bài 7. Đo thời gian	<p>Nhận biết</p> <p>- Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo thời gian.</p>		1 câu C20 (A3)				
		Bài 8. Đo nhiệt độ	<p>Nhận biết</p> <p>- Phát biểu được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật.</p> <p>- Nêu được sự nở vì nhiệt của chất lỏng được dùng làm cơ sở để đo nhiệt độ.</p>	2 câu C4 (A2); C5 (A1)					
3	Chủ đề 3 Chất và sự biến đổi chất	Bài 9. Sự đa dạng của chất	Nhận ra được vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh		2 câu C6 (A1); C7 (A1)				

			trong thực tiễn						
		Bài 10. Các thể của chất và sự chuyển thể	Nhận biết – Nêu được khái niệm về sự sôi; Thông hiểu. – Trình bày được quá trình diễn ra sự chuyển thể (trạng thái): nóng chảy, đông đặc; bay hơi, ngưng tụ; sôi.		2 câu C8 (A1); C15 (A2)				1 câu C (A) (Đ)
		Bài 11. Oxygen. Không khí	Nhận biết – Nêu được một số tính chất của oxygen (trạng thái, màu sắc, tính tan, ...). – Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu. Thông hiểu – Trình bày được vai trò của oxygen Vận dụng - Nêu ra được nguyên nhân, và biện pháp khắc phục ô nhiễm không khí	3 câu C11 (A1); C16 (A2) ; C17 (A2)				1 câu C2 (Đ/S) (A3)	
		Bài 12. Một số vật liệu, một số nguyên liệu	Nhận biết – Nêu được cách sử dụng một số nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững. Thông hiểu - Trình bày được tính chất và ứng	1 câu C12 (A2)	2 câu C13 (A2); C14 (A2)				

			dụng của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu						
Tổng số câu				12	8			1	
Tổng số điểm				5 điểm			2 điểm		
Tỷ lệ %				Khoảng 50%			Khoảng 20%		